

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16- 9- 2022
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Trần Ngọc Thái

- Bà Trần Thế Yên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái : Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm .Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 35/2022/TB-TA ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thuỳ L, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1986, vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Thôn K.L, xã Đ.M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2022, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thuỳ L trình bày:

Chị Nguyễn Thuỳ L đăng ký kết hôn với anh Lê Quang D trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22 tháng 4 năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không hoà hợp. Hai vợ chồng đã tự hòa giải nhiều

lần nhưng không có kết quả. Đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D có 02 con chung: Lê Nguyễn K.A, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Lê Quang T, sinh ngày 29/7/2013. Khi ly hôn chị nguyện vọng được nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thuỳ L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt cho anh D nhưng không gặp, đã thông báo cho anh D và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ở và địa phương của anh D nhưng anh Lê Quang D không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 28/6/2022 tại địa phương nơi chị L và anh D sinh sống, thì địa phương cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như Chị Nguyễn Thuỳ L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương bình thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2014 thì 2 vợ chồng sống ly thân, anh D đi làm ăn xa, còn chị L đưa 2 con về nhà bố mẹ để sinh sống và đi làm công nhân gần nhà. Nay chị Nguyễn Thuỳ L có đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D có 02 con chung là Lê Nguyễn K.A và Lê Quang T, hiện nay 2 cháu đang ở cùng chị L và ông bà ngoại, nên nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị giao 2 cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay anh D thường xuyên đi làm ăn xa nhà.

Các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thuỳ L.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo gia đình và địa phương được biết thì chị L và anh D không có tài sản chung và công nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thuỳ L được ly hôn với bị đơn anh Lê Quang D .

+ Về con chung: Có 02 con chung: Lê Nguyễn K.A, sinh ngày 01/11/2011 và cháu Lê Quang T, sinh ngày 29/7/2013. Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thuỳ L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:Chị Nguyễn Thuỳ L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Lê Quang D không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2022 anh Lê Quang D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do vậy Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa ngày hôm nay (16-9-2022) anh Lê Quang D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D xác lập quan hệ hôn nhân vào ngày 22/4/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần xong không thành, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang D.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, việc đăng ký kết hôn là hoàn T tự nguyện không bị ai ép buộc do đó hôn nhân giữa chị L và anh D là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật, anh D không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để hoà giải, thể hiện việc anh không muốn đoàn tụ, anh chị đã sống ly thân nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thuỳ L với anh Lê Quang D là có cơ sở và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung:

Chị Nguyễn Thuỳ L và anh Lê Quang D có 02 con chung: Lê Nguyễn K.A, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Lê Quang T, sinh ngày 29/7/2013.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Kể từ khi anh chị sống ly thân thì 2 cháu ở với chị L, có cuộc sống ổn định, và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác anh D thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương do đó cần giao 2 con chung cho chị Nguyễn Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật. .

[5]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thuỳ L không đề nghị Tòa án chia tài sản chung và công nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng và các vấn đề khác:

Chị Nguyễn Thuỳ L phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Anh Lê Quang D không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thuỳ L được ly hôn với anh Lê Quang D.

2. Về con chung:

Giao hai con chung: Lê Nguyễn K.A, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Lê Quang T, sinh ngày 29/7/2013, cho Chị Nguyễn Thuỳ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lê Quang D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thuỳ L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0001662 ngày 28-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Chị Nguyễn Thuỳ L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thuỳ L, Anh Lê Quang D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A, Điều 7B và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình
- Các đương sự;
- UBND xã Đ.M.
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Hoàng Kim Sơn

